

Số: 9/QĐ-MNTC

Tự Cường, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế công khai của trường Mầm non Tự Cường
Năm học 2024 -2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TỰ CƯỜNG

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1660/2005/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của UBND huyện Tiên Lãng về việc thành lập trường mầm non Tự Cường;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về điều động cán bộ quản lý ngành giáo dục;

Căn cứ tình hình thực tế của trường Mầm non Tự Cường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Mầm non Tự Cường năm học 2024 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn, đoàn thể, ban TTND, giáo viên, nhân viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;(B/c)
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các tổ CM;
- Viên chức, người LĐ;
- Niêm yết;
- Lưu VT.



Trần Thị Kim Chi



**QUY CHẾ
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**
(Ban hành kèm theo quyết định số 96/QĐ-MNTC ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Trường MN Tự Cường)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của trường mầm non Tự Cường theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024.
2. Các cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh Trường Mầm non Tự Cường chịu điều chỉnh của quy chế này.
3. Việc thực hiện công khai các nội dung không nêu trong Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Quy định về công khai trong thông tư này không áp dụng đối với thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Minh bạch các thông tin có liên quan của trường mầm non Tự Cường để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường.
2. Tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà trường trong việc quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng ND-CS-GD trẻ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai đảm bảo đúng các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thông tin công khai đảm bảo chính xác, rõ ràng, đầy đủ. Kịp thời, dễ tiếp cận.

Chương II

NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục.
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử).
3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.
7. Tổ chức bộ máy:
 - a) Quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục.
 - b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
 - c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;
 - d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của Cơ sở giáo dục;
 - đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
 - e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).
8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu,

Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

phải triển khai đội ngũ,...); chỉ hỏ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chỉ khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tài cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:
 a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hàng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3. Thông tin về kết quả danh gia và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự danh gia chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự danh gia;

b) Kết quả danh gia ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau danh gia ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm.

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

g) Số trẻ em khuyết tật.

CHƯƠNG III

CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

Điều 8. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường:

Tổ chức thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của trường mầm non Tụ Cường, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này:

- Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của Trường mầm non Tụ Cường thực hiện chương trình giáo dục mầm non;

c) Nội dung công khai được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới:

a) Thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử hoặc niêm yết tại cơ sở giáo dục (đối với cơ sở giáo dục chưa có cổng thông tin điện tử) các thông tin: kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày và dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ Bảy của tuần trước; đối với giáo dục phổ thông phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của học sinh (nếu có) trước ngày thứ Bảy của tuần trước.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, các cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết,

đánh giá công tác công khai nhằm thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tào điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhân được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bảng các hình thức sau đây:

- a. Công bố công khai trong cuộc họp với CB_GV_NV của trường.
- b. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.
- c. Đăng tải lên trang thông tin điện tử nhà trường.

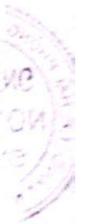
Điều 11. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.

Hàng năm tuyên truyền đến phụ huynh học sinh về các hoạt động công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo của đơn vị Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Quyết định của trường năm non Tự Cường.

Các bộ phận, đoàn thể và toàn thể CB-GV-NV trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện tốt quy chế này.

Tổ văn phòng chịu trách nhiệm công khai trên báo tin và trang Web của đơn vị hàng năm.

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị nhà trường xem xét sự đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành khi có quyết định thay thế.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền thưởng định kỳ năm 2024
theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÃM NÓN TỰ CƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Văn bản số 7585/BNV-TL ngày 26/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện chế độ tiền thưởng;

Căn cứ Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc Ban hành quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-MNTC ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng trường mầm non Tự Cường về việc ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng (theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP) của Trường mầm non Tự Cường;

Theo đề nghị của Thư ký Hội đồng Thi đua, khen thưởng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền thưởng năm 2024 cho viên chức và lao động Trường mầm non Tự Cường như sau: Số viên chức và lao động được thưởng: 32 người, với tổng số tiền thưởng là: 111.888.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Viên chức và lao động hiện đang công tác:
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 0 người.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 32 người (có danh sách kèm theo)
- + Hệ số tiền thưởng là 0,6/ 1 người

Tổng số tiền thưởng: $0,6 \times 172 \text{ tháng} \times 1.084.186đ = 111.888.000đ$

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

- Nơi nhận:
- Như Điều 3;
 - Kho bạc NN huyện;
 - Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
MẦM NÓN
TỰ CƯỜNG
Trần Thị Kim Chi

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
 THƯỜNG MÀM NON TỰ CƯỖNG

DANH SÁCH CHI TIẾT THƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2024/NĐ-CP NGÀY 30/6/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
 TỰ NGƯỜN NGÃN SÁCH THÀNH PHỐ CẤP BỒ SUNG

(Tính từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024)

STT	Họ và tên	Biên chế	Hợp đồng được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP	Chức vụ	Thời gian		Số tháng thực tế tham gia công tác tại đơn vị	Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng	Hệ số thưởng	Kinh phí chi thưởng (Đồng)	Kỳ nhận	Chi chú
					Từ tháng	Đến tháng						
* TỔNG TIỀN THƯỜNG ĐỊNH KỶ HÀNG NĂM												
** MỨC TIỀN THƯỜNG ĐỊNH KỶ CỞ SỞ/THÁNG												
TỔNG CỘNG										111.888.000		
1	HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ TRÖL LẤN	31	2				172		0.600	111.888.000		
1	Trần Thị Kim Chi	1		HT	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
2	Lê Kim Thanh	1		PHT	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
3	Đoàn Thị Huệ	1		PHT	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
4	Phạm Thị Nhung	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
6	Bùi Thị Hương	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0.600	3.903.070		
7	Bùi Văn Anh	1		GV	10/2024	12/2024	3	Hoàn thành tốt	0.600	1.951.535		Nghỉ sinh hết 19/2024



STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng		Cơ sở	Thời gian		Số tháng thực tế tham gia công tác tại đơn vị	Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng	Hệ số thưởng	Kinh phí chi thưởng (Đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Biên chế	Hợp đồng được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP		Từ tháng	Đến tháng						
8	Nguyễn Thị Lan	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành xuất sắc	0,600	3.903.070		
9	Lê Thị Hằng	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
10	Lê Thị Tâm	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
11	Trần Thị Phương	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
12	Đỗ Thị Khanh Ly	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
13	Nguyễn Thị Thủy	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
14	Nguyễn Thị Châu	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
15	Nguyễn Thị Hoa	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
16	Nguyễn Thị Quỳnh	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành xuất sắc	0,600	3.903.070		
17	Nguyễn Thị Uớc	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành xuất sắc	0,600	3.903.070		
18	Nguyễn Thị Thu Lan	1		GV	07/2024	08/2024	2	Hoàn thành xuất sắc	0,600	1.301.023		Nghỉ sinh từ T9/2024
19	Nguyễn Thị Ngân	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
20	Hoàng Thị Hiền	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
21	Nguyễn Thị Mân Anh	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành xuất sắc	0,600	3.903.070		
22	Đào Thị Ngọc	1		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		

STT	Họ và tên	Thuộc đối tượng		Chức vụ	Thời gian		Số tháng thực tế tham gia công tác tại đơn vị	Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng	Hệ số thưởng	Kinh phí chi thưởng (Đồng)	Kỳ nhận	Ghi chú
		Biên chế	Hợp đồng được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP		Từ tháng	Đến tháng						
23	Lê Thị Huế	I		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
24	Phạm Thị May	I		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
25	Nguyễn Thị Phương	I		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
26	Nguyễn Thị Miên	I		GV	07/2024	07/2024	1	Hoàn thành tốt	0,600	650.512		Nghỉ sinh từ T8/2024
27	Mau Thị Thu Bích	I		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
28	Hoàng Thúy Vân	I		GV	07/2024	12/2024	6	Hoàn thành tốt	0,600	3.903.070		
29	Bùi Thị Ngọc Anh	I		GV	09/2024	12/2024	4	Hoàn thành tốt	0,600	2.602.046		Mới nhận Công tác từ T9/2024
30	Trần Thị Lan	I		GV	09/2024	12/2024	4	Hoàn thành tốt	0,600	2.602.046		Mới nhận Công tác từ T9/2024
31	Hoàng Thị Phương	I		GV	11/2024	12/2024	2	Hoàn thành tốt	0,600	1.301.023		Mới nhận Công tác từ T11/2024
32	Đỗ Thị Hà	I		KT	07/2024	08/2024	2	Hoàn thành tốt	0,600	1.301.023		Chuyển Công tác từ T9/2024
33	Nguyễn Thị Hà	I		KT	09/2024	12/2024	4	Hoàn thành tốt	0,600	2.602.042		Mới nhận Công tác từ T9/2024

KẾ TOÁN

Hà
Nguyễn Thị Hà

Tiền Lãng, ngày 15 tháng 01 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Kim Chi

Số: 02/QĐ-MNTC

Tự Cường, ngày 3 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai kết quả kê khai tài sản thu nhập cá nhân năm 2024, công khai hỗ trợ học phí theo nghị quyết 54, thu nhập tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024, công khai Quy chế chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024,

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TỰ CƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của bà kế toán Trường Mầm non Tự Cường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kết quả kê khai tài sản thu nhập cá nhân năm 2024, công khai hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54, thu nhập tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024, Quy chế chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024, của Trường Mầm non Tự Cường (có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Tự Cường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TỰ CƯỜNG
Trần Thị Kim Chi